

Tổng quan các nghiên cứu phát triển năng lực thích ứng cho học sinh tiểu học thông qua dạy học trải nghiệm

Trần Thị Kim Cúc

Email: ttkcuc@ued.udn.vn
Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng
459 Tôn Đức Thắng, quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

TÓM TẮT: Năng lực thích ứng có ý nghĩa quan trọng giúp con người có thể tồn tại và đáp ứng với những thay đổi trong cuộc sống. Dạy học trải nghiệm là một mô hình dạy học phù hợp đối với việc phát triển năng lực thích ứng cho học sinh tiểu học. Thông qua quá trình dạy học trải nghiệm, học sinh thực hiện các hoạt động điều tra, khám phá, vận dụng kiến thức, kĩ năng vào cuộc sống xung quanh, tạo điều kiện cho học sinh chủ động suy nghĩ, tham gia vào các hoạt động thực tiễn một cách tích cực trong giờ học. Qua đó, các em tìm ra những tri thức mới, giải pháp mới dựa trên kiến thức, vốn hiểu biết của bản thân hướng đến việc hình thành những phẩm chất, năng lực cho mình. Bài viết trình bày tổng quan những công trình nghiên cứu về năng lực thích ứng và phát triển năng lực thích ứng cho học sinh tiểu học thông qua dạy học trải nghiệm. Từ quá trình nghiên cứu tổng quan, bài viết đưa ra những nhận định chung và hướng nghiên cứu phù hợp.

TỪ KHÓA: Năng lực thích ứng, dạy học trải nghiệm, học sinh, tiểu học, tổng quan.

→ Nhận bài 26/01/2024 → Nhận bài đã chỉnh sửa 11/3/2024 → Duyệt đăng 25/5/2024.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12420120>

1. Đặt vấn đề

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 nhấn mạnh đến việc chuyển quá trình giáo dục từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học [1]. Sau mỗi bài học, chủ đề của môn học, học sinh sẽ được hình thành khả năng tự giải quyết những vấn đề một cách hiệu quả bằng cách áp dụng kiến thức đã lĩnh hội vào những tình huống, những hoạt động gắn với thực tiễn cuộc sống. Qua đó, kiến thức, kĩ năng đã học của học sinh sẽ trở nên hữu ích hơn, thiết thực hơn thông qua việc hình thành và phát triển năng lực thích ứng cho người học.

Năng lực thích ứng có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động dạy học và giáo dục học sinh, là môi trường học tập giúp các em sẵn sàng thích nghi với sự thay đổi của cuộc sống. Vì vậy, việc nghiên cứu tìm biện pháp phát triển năng lực thích ứng cho học sinh nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học ở tiểu học là điều cần thiết. Một trong những chiến lược dạy học phát triển năng lực thích ứng cho học sinh chính là tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục theo hướng tăng cường sự trải nghiệm, đa dạng hóa môi trường học tập, tham gia hoặc tiếp xúc với sự vật, hiện tượng... Thông qua quá trình dạy học trải nghiệm, học sinh thực hiện các hoạt động điều tra, khám phá, vận dụng kiến thức, kĩ năng vào cuộc sống xung quanh, tạo điều kiện cho các em chủ động suy nghĩ, tham gia vào những hoạt động thực tiễn một cách tích cực trong giờ học. Qua đó, các em tìm ra những tri thức mới, giải pháp mới dựa trên kiến

thức, vốn hiểu biết của bản thân, hướng đến việc hình thành những phẩm chất, năng lực cho mình.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nội dung này, chúng tôi đã sử dụng các phương pháp như: Phương pháp thu thập thông tin online, phương pháp hồi cứu tư liệu, phương pháp so sánh, phân tích, tổng hợp và khái quát hóa. Từ khóa chúng tôi tìm kiếm gồm: “Năng lực thích ứng”, “Học sinh tiểu học”, “Dạy học trải nghiệm”, “Tổng quan”. Chúng tôi đã thu thập nội dung từ các tài liệu sách, tạp chí khác nhau. Bên cạnh đó, chúng tôi lựa chọn tìm kiếm nâng cao trên Google để thu thập dữ liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Nghiên cứu khẳng định vai trò của năng lực thích ứng

Nghiên cứu về hoạt động thích ứng đầu tiên trong lĩnh vực tâm lí đó là Herbert Spencer (1820 - 1903). Trong công trình “Những nguyên lí Tâm lí học” (1895), ông đã khẳng định: “Cuộc sống là sự thích ứng liên tục của các mối quan hệ bên trong với mối quan hệ bên ngoài”. Để tồn tại, con người sống trong xã hội cũng giống như động vật sống trong tự nhiên phải đấu tranh, người nào thích hợp nhất với môi trường thì người đó sẽ sống sót. Ông được xem là người đã mở ra hướng nghiên cứu về thích ứng tâm lí và khẳng định vai trò của năng lực thích ứng đối với con người trong môi trường sống. Đó là điều kiện quyết định cho sự tồn tại và phát triển

của con người. Tiếp nối nghiên cứu với nhà tâm lý học người Anh Herbert Spencer, James.W (1980) đã khẳng định đối tượng nghiên cứu của tâm lý học chính là mối quan hệ bên trong và bên ngoài và đó là quá trình thích ứng của cá thể [2]. Có thể nói, vấn đề thích ứng ở đây được nhấn mạnh đến sự hình thành và phát triển tâm lý của con người.

Nhà tâm lý Petoropxky A.V hướng đến thích ứng xã hội. Đó là quá trình thích nghi tích cực của cá nhân hoặc tập thể (lớp, nhóm) với các điều kiện vật chất, các tiêu chuẩn và giá trị được xác định của môi trường xã hội. Đồng quan điểm, tác giả Vunphốp B.D. (1993) khẳng định quá trình thích ứng là sự hòa hợp những mối quan hệ của con người với môi trường xung quanh, giải quyết các mối quan hệ của con người theo hướng tích cực [3].

Các nghiên cứu về thích ứng thuộc lĩnh vực Sinh vật học hay Vật lý tập trung vào mối quan hệ của con người với môi trường, nhấn mạnh cơ chế sự thay đổi của sự vật phù hợp với môi trường sống. Nhà nghiên cứu Lamac. Đac-Uyn cho rằng: “Thích ứng là quá trình biến đổi về cấu trúc và chức năng của cơ thể hay một bộ phận cơ thể cho phù hợp với điều kiện sống tương đối ổn định của môi trường tự nhiên và môi trường hữu cơ”. Trong các nghiên cứu có liên quan đến việc thích ứng hiểm họa tự nhiên và khả năng của các cá nhân hoặc nhóm xã hội đối phó, nhóm tác giả Erin Bohensky và cộng sự đã phân tích vấn đề thích ứng trên lý thuyết và thực tế. Nhóm tác giả hướng nội dung thích ứng liên quan đến quản trị môi trường. Janssen và cộng sự (2006) đã nghiên cứu về sự thích nghi của con người với sự biến đổi của môi trường và những năm gần đây lại nhấn mạnh đến vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu. Với Nick Brooks và W.Neil Adger, nhóm tác giả đã nghiên cứu về khả năng thích ứng để có thể đối phó với biến đổi khí hậu. Nhóm tác giả cho rằng, khả năng thích ứng là đặc tính của một hệ thống để điều chỉnh các đặc điểm hoặc hành vi của nó dưới sự biến đổi khí hậu hiện tại hoặc các điều kiện khí hậu trong tương lai, là khả năng thiết kế và thực hiện các chiến lược thích ứng hiệu quả hoặc phản ứng với các mối nguy và căng thẳng đang gia tăng để giảm khả năng xảy ra và mức độ nghiêm trọng của các hậu quả có hại do các mối nguy liên quan đến khí hậu [4]. Như vậy, các tác giả đã nghiên cứu vấn đề thích ứng gắn với biến đổi khí hậu và tập trung liên quan đến khả năng phục hồi để ứng phó với khí hậu hiện tại.

Ở trong nước, tác giả Nguyễn Văn Hộ với công trình “Thích ứng sự phạm” đã khẳng định, thích ứng là quá trình cá nhân đạt được những đặc trưng xã hội thông qua việc lĩnh hội những chuẩn mực và khuôn mẫu xã hội, có khả năng nhận thức và ứng xử tương ứng với vị thế và vai trò xã hội của bản thân, giúp cho cá nhân hòa nhập vào xã hội [5]. Từ quan niệm trên có thể nhận

thấy, những yếu tố thuộc về chính trị, kinh tế, văn hóa là những mặt cá nhân bị chi phối. Mỗi cá nhân thông qua quá trình tham gia vào các hoạt động xã hội, bằng kinh nghiệm sống vốn có và thích ứng với môi trường đó.

Đánh giá cao tầm quan trọng của khả năng thích ứng, đặc biệt là nội dung ứng phó biến đổi khí hậu, nhóm tác giả Nick Brooks và W.Neil Adger xác định biểu hiện của năng lực thích ứng là các hành động dẫn đến thích ứng có thể tăng cường khả năng ứng phó trước các hiểm họa khí hậu. Nhóm tác giả đã đưa ra các thành phần của năng lực thích ứng cũng như thang đo thích ứng [4]. Nghiên cứu của Lemos và cộng sự (2007), năng lực thích ứng được tạo ra bằng cách: 1) Đầu tư vào thông tin và tri thức, 2) Khuyến khích sự thay đổi, 3) Tăng mức độ giáo dục những yếu tố mà hiện đang thiếu. Nhóm tác giả Erin Bohensky và cộng sự đã xác định các khía cạnh chính của năng lực thích ứng gồm: Nhận thức về sự thay đổi, khả năng lập kế hoạch và đối phó với những thay đổi đó và sự quan tâm đến việc thích ứng [6].

Nhiều tác giả trong nước cũng đã nghiên cứu để xác định thành phần của năng lực thích ứng. Nhóm tác giả Đặng Xuân Hải, Đỗ Thị Thu Hằng đã đề xuất khung năng lực thích ứng cho cán bộ quản lý ở trường đại học trong bối cảnh đổi mới ở Việt Nam hiện nay. Nhóm tác giả hướng đến khung năng lực thích ứng với các tiêu chí và chỉ báo chỉ rõ khả năng nhạy cảm với sự thay đổi, khả năng thấu hiểu những tác động tích cực và tiêu cực của các thay đổi, khả năng vượt qua thử thách của sự thay đổi. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đưa ra một số giải pháp tăng cường năng lực thích ứng cho cán bộ quản lý [7]. Tác giả Lê Thị Bích Ngọc đã xây dựng cấu trúc năng lực thích ứng nghề cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non gồm các tiêu chí yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp; phát triển chuyên môn, nghiệp vụ; nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ mầm non, hoạt động đánh giá trẻ... và xem đó là các tiêu chuẩn để sinh viên rèn luyện và phát triển nghề nghiệp tương lai của bản thân [8]. Cùng nội dung nghiên cứu này, nhóm tác giả Vũ Phương Liên đề xuất bảng tiêu chí đo năng lực thích ứng nghề nghiệp của giáo viên mầm non gồm: Năng lực tìm hiểu về nghề nghiệp, năng lực tự tin trong nghề nghiệp, năng lực quan tâm về nghề nghiệp và năng lực kiểm soát trong nghề nghiệp [9].

Từ các nghiên cứu trên có thể nhận thấy, các tác giả trong và ngoài nước đã đề cập đến vai trò của năng lực thích ứng đối với sự phát triển của mỗi cá nhân trong cuộc sống cũng như những thành phần của năng lực thích ứng. Hầu hết các tác giả đều có xu hướng cho rằng, thích ứng là quá trình các thuộc tính sinh lý của cơ thể thích nghi với môi trường sống, nhấn mạnh cơ chế sự thay đổi của sự vật theo hướng tích cực để phù hợp với môi trường sống.

2.2.2. Nghiên cứu về phát triển năng lực thích ứng

Vấn đề phát triển năng lực thích ứng cho người học được các tác giả hướng đến là năng lực hành động, năng lực thực hiện giải quyết phù hợp các vấn đề gắn với thực tiễn. Tác giả Xavier Roegiers chỉ ra rằng, việc năng lực thích ứng làm cho quá trình học tập có ý nghĩa, giúp phân biệt cái quan trọng và ít quan trọng hơn, biết sử dụng kiến thức phù hợp với tình huống, lập mối liên hệ giữa các khái niệm đã học. Tác giả Geoffrey Petty (2009) quan điểm về giáo dục cho học sinh theo hướng phát triển năng lực thích ứng, đó là: “Học qua thực hành tốt hơn qua quan sát hoặc nghe, bởi lẽ thực hành giúp người học có điều kiện để củng cố và hiệu chỉnh những kiến thức và kỹ năng đang học” [10].

Liên kết lí thuyết với thực hành để giải quyết linh hoạt những vấn đề gắn với thực tiễn là mối quan tâm hàng đầu của nhiều nhà giáo dục trong nhiều thập kỉ trên khắp thế giới. Smagorinsky, Cook, Moore, Jackson và Fry (2004) trong các bài báo của họ đã nhận xét rằng, phương pháp giáo dục truyền thống của giáo viên không trang bị đủ cho các học sinh để đối phó với thực tế phức tạp của cuộc sống. Theo Monroe, Blackwell & Pepper (2010), Stensmo (1999), Waghorn & Stevens (1996), Shulman (1992), có một khoảng cách giữa thực tế phức tạp của cuộc sống và nội dung lí thuyết trong các chương trình giảng dạy. Để thu hẹp khoảng cách này cần có sự liên kết các khái niệm lí thuyết với những bối cảnh thực tế.

Một phương pháp khác là dạy học dựa trên kinh nghiệm (Experience-Based) do Boud, Cohen and Walker (1993) đề xuất. Nội dung chính của phương pháp này là giúp học sinh vận dụng những kinh nghiệm đã có trước đó, giải quyết vấn đề và rút ra những kinh nghiệm mới để thích ứng với những tình huống mới. Có nghĩa là giúp đưa ra những hành động và xây dựng kinh nghiệm mới dựa trên các kinh nghiệm đã có trước đó. Việc xây dựng kinh nghiệm mới dựa trên kinh nghiệm cũ là một quá trình xây dựng suốt đời. Vì thế, Klob (1984) cho rằng: “Học tập là quá trình nhờ đó kiến thức được tạo ra thông qua sự biến đổi của kinh nghiệm” [11].

Phát triển năng lực thích ứng trong những năm gần đây được xem như một yếu tố quan trọng đối với sự phát triển của xã hội. R.J.Collie, A.J.Martin (2016) cho rằng: Đối với lĩnh vực giáo dục, khả năng thích ứng là một định hướng quan trọng đối với giáo viên trong môi trường có nhiều thay đổi đòi hỏi giáo viên phải nghiên cứu, điều chỉnh và thực hành để đáp ứng với tính mới [12]. Nhiều nghiên cứu của Mansfield, Beltman, McConney (2012) hay Kunter và cộng sự (2013) đã phân tích về khả năng thích ứng hoặc tính linh hoạt của giáo viên như một yếu tố trung tâm trong việc dạy và học hiệu quả. Savickas (2005) cho rằng, khả năng

thích ứng nghề nghiệp là khả năng của một người để duy trì một nghề nghiệp thỏa mãn thông qua các nguồn lực tâm lí tự điều chỉnh của sự chuẩn bị để đối phó với các nhiệm vụ và điều kiện có thể dự đoán và không thể đoán trước trong vai trò công việc và để phù hợp với vai trò công việc. Tương tự, Rottinghaus và cộng sự (2005) cho rằng, đó là khả năng tâm lí để đối phó với sự thay đổi và phục hồi sau những tình huống ảnh hưởng đến kế hoạch nghề nghiệp và sự thoải mái với trách nhiệm công việc. Do đó, khả năng thích ứng nghề nghiệp có thể được hình thành như một nguồn lực tâm lí giúp bảo vệ giáo viên khỏi những tác động của hoàn cảnh căng thẳng.

Nghiên cứu của các nhà giáo dục Việt Nam hướng đến con đường phát triển năng lực thích ứng là khả năng con người thực hiện, giải quyết các vấn đề trong thực tế. Để phát triển năng lực thích ứng cho người học, các tác giả đã đưa ra nhiều biện pháp khác nhau. Để phát triển năng lực thích ứng, nhóm tác giả Nguyễn Thị Bẩy, Nguyễn Thị Linh đã phân tích thực trạng và đề xuất biện pháp phát triển năng lực thích ứng nghề nghiệp của sinh viên ngành Giáo dục mầm non như: Nâng cao nhận thức về ngành nghề; đổi mới nội dung, chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy của giảng viên [13]. Nhóm tác giả Nguyễn Phương Huyền, Dương Thị Hoàng Yến đã nghiên cứu khảo sát khả năng thích ứng của giảng viên với đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và tác động của nó đối với việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Nhóm tác giả đã nhấn mạnh đến sự thay đổi chương trình đặt giáo viên trước áp lực về sự thay đổi để thích ứng với hoàn cảnh mới, nhiệm vụ mới [14].

Tác giả Nguyễn Thị Thanh, Hoàng Thị Phương, Trần Trung Ninh cho rằng, năng lực thích ứng là “Khả năng của bản thân người học huy động, sử dụng những kiến thức, kĩ năng đã học trên lớp hoặc qua trải nghiệm thực tế của cuộc sống để giải quyết những vấn đề đặt ra trong những tình huống đa dạng và phức tạp của đời sống một cách hiệu quả và có khả năng biến đổi nó”. Tác giả Hà Thị Lan Hương nhận định: “Khả năng của bản thân người học vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào việc giải quyết vấn đề trong học tập hoặc trong thực tiễn cuộc sống. Từ đó có ứng xử phù hợp trước những tác động đến đời sống cá nhân, gia đình, cộng đồng” [15].

Như vậy, phát triển năng lực thích ứng là quá trình mà người học được thực hiện các hoạt động, được trực tiếp tham gia giải quyết các tình huống thực hoặc các tình huống giả định gắn với thực tiễn cuộc sống. Năng lực thích ứng đã được các tác giả khẳng định là năng lực mà người học vận dụng kiến thức và xử lí vấn đề đối với người học, giúp người học có khả năng huy động, sử dụng kiến thức, kĩ năng để giải quyết những vấn đề gắn với thực tiễn một cách hiệu quả. Do đó, việc phát

triển năng lực thích ứng cho người học cần được nghiên cứu tiến hành với những hoạt động đa dạng trong quá trình dạy học. Năng lực thích ứng đã được các tác giả trong và ngoài nước nghiên cứu khẳng định là năng lực thực hiện đối với người học, giúp cho người học có khả năng huy động, sử dụng kiến thức, kỹ năng để giải quyết những vấn đề gắn với thực tiễn một cách hiệu quả. Với ý nghĩa như vậy, việc nghiên cứu tìm giải pháp phát triển năng lực thích ứng cho học sinh là điều cần thiết.

2.2.3. Các nghiên cứu về phát triển năng lực thích ứng cho học sinh thông qua dạy học trải nghiệm

a. Học tập qua trải nghiệm

Học trải nghiệm chính là việc người học thực hiện hoạt động học tập qua quá trình trải nghiệm. Trước Công nguyên, Khổng Tử (551-479 TCN) đã đưa ra những quan điểm ban đầu về việc học trải nghiệm. Ông cho rằng, cần phải coi trọng thực hành, vận dụng trong phương pháp giáo dục. Đồng quan điểm của Khổng Tử, Socrates (470-399 TCN) - nhà triết học Hi Lạp cho rằng: “Người ta phải học bằng cách làm một việc gì đó với những điều bạn nghĩ là mình biết, bạn sẽ thấy không chắc chắn cho đến khi làm nó”. Aristoteles (384 - 322 TCN) cho rằng: “Những điều chúng ta phải học trước rồi mới làm, chúng ta học thông qua làm việc đó”. Từ đó cho thấy, các nhà triết học nói trên đều nhấn mạnh đến việc tạo ra tri thức bởi từng cá nhân, từng chủ thể nhận thức; thiết lập cách tiếp cận bắt đầu từ quan sát và trải nghiệm trước khi đi tới tư duy trừu tượng.

Năm 1938, trong tác phẩm “Experience and Education”, John Dewey đã xây dựng lý thuyết học tập dựa trên kinh nghiệm với quan điểm “Học qua làm, học bắt đầu từ làm”. Tác giả đề cao vai trò của kinh nghiệm trong giáo dục và cho rằng: “Học tập qua trải nghiệm xảy ra khi một người sau khi tham gia trải nghiệm nhìn lại và đánh giá, xác định cái gì là hữu ích hoặc quan trọng cần nhớ và sử dụng những điều này để thực hiện các hoạt động khác trong tương lai” [16]. Việc học diễn ra ở nhiều môi trường khác nhau và sự trải nghiệm có thể trải qua nhiều lần sai lầm, thất bại mới đi đến được chân lý. Cùng hướng nghiên cứu này, Jean Piaget (1896 - 1980) đã nghiên cứu về quá trình phát triển nhận thức và bản chất của trí tuệ. Piaget gợi ý rằng, trí thông minh được hình thành và phát triển trong quá trình trải nghiệm, trong đó sự tương tác với môi trường đóng vai trò quan trọng. Trí tuệ phát triển theo từng cấp độ gắn với các giai đoạn lứa tuổi, là kết quả của hai quá trình đồng hóa và điều ứng. Ông lập luận, thay vì chỉ đơn giản hỏi những câu hỏi mang tính quy chuẩn về kiến thức thì nên tăng cường sử dụng những câu hỏi thực nghiệm để phát triển tri thức.

Kế thừa và phát triển tư tưởng trên, năm 1984, David A. Kolb đã đề xuất “Lý thuyết học tập dựa vào trải

nh nghiệm” trong tác phẩm “Experiential learning”. Theo ông, các bước của học tập trải nghiệm bao gồm: 1) Kinh nghiệm cụ thể; 2) Quan sát phản chiếu; 3) Khái niệm hóa; 4) Thử nghiệm tích cực [11]. Học tập dựa vào trải nghiệm nhấn mạnh thừa nhận sự độc đáo về vốn kinh nghiệm cá nhân trong học tập của học sinh và khuyến khích sự phản ánh vốn kinh nghiệm đó để phát triển các kiến thức mới, kỹ năng mới, cảm xúc mới nhằm thích ứng với môi trường thay đổi. Việc học qua trải nghiệm cần được thực hiện trong phạm vi cuộc sống thực tiễn, trong thực tiễn lẫn tình huống thực tiễn. Lý thuyết học tập trải nghiệm của David A. Kolb đã được sử dụng rộng rãi cho đến nay ở nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.

Học tập qua trải nghiệm nhấn mạnh học tập cá nhân và sự phát triển năng lực. Theo Chickering. A (1977), học tập trải nghiệm chỉ có kết quả khi có những thay đổi trong sự phán xét, cảm xúc, kiến thức và khả năng của người học qua các sự kiện cuộc sống nghĩa là người học có sự thay đổi về tri thức, hành vi, thái độ [17]. Theo Chapman, McPhee và Proudman (1995), học tập trải nghiệm gắn kinh nghiệm của người học với hoạt động phản ánh và phân tích [18]. Theo Bourdeau (2004), học tập trải nghiệm là một triết lý và phương pháp mà các nhà giáo dục sử dụng để học sinh tham gia chủ động với kinh nghiệm trực tiếp và tập trung vào tăng cường kiến thức, phát triển kỹ năng, làm rõ các giá trị.

Từ nhận định của các nhà khoa học nói trên có thể thấy, học tập qua trải nghiệm tạo điều kiện cho người học hình thành và phát triển kiến thức, kỹ năng, thái độ và vận dụng kiến thức, kỹ năng đó. Điều này khẳng định vai trò của việc tổ chức học tập qua trải nghiệm trong việc phát triển năng lực cho học sinh, trong đó có năng lực thích ứng.

b. Dạy học trải nghiệm

Dạy học trải nghiệm nhằm phát triển năng lực thích ứng cho học sinh cũng thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu bởi dạy học trải nghiệm là một yêu cầu quan trọng của dạy học định hướng phát triển năng lực.

Xây dựng mục tiêu dạy học qua trải nghiệm với các trò chơi, theo đó sẽ tổ chức các hoạt động chơi để tạo cơ hội cho học sinh được khám phá, khai thác, củng cố kiến thức. Tiêu biểu cho hướng nghiên cứu này là Jennifer M. Zosh và cộng sự đã xây dựng mục tiêu giáo dục giúp trẻ học thông qua quá trình trải nghiệm từ trò chơi. Theo nhóm tác giả, dạy học trải nghiệm thông qua trò chơi sẽ tạo cơ hội cho học sinh được thực hành trong các bối cảnh và những môn học khác nhau, góp phần nâng cao kết quả học tập của học sinh và giúp các em phát triển toàn diện [19]. Nhóm tác giả Robert J. Didham, Paul Ofei-Manu đã đề xuất năm khía cạnh sự phạm của việc học tập để có năng lực thích ứng, trong đó nhấn mạnh đến khía cạnh dạy học thực hành

trải nghiệm để tăng cường sự kiểm tra, áp dụng và điều chỉnh kiến thức và kỹ năng cho người học. Học tập để có năng lực thích ứng hỗ trợ thiết kế sự phạm của người dạy, củng cố các quá trình học tập để phát triển năng lực cho người học hướng đến sự phát triển bền vững [20]. Trong khuôn khổ của Dự án “Học thông qua chơi” được triển khai ở Việt Nam từ năm 2020 với sự tổ chức của tổ chức VVOB và Bộ Giáo dục và Đào tạo, học sinh được tương tác, trải nghiệm, khám phá và giải quyết vấn đề trong môi trường học tập vui vẻ. Giáo viên kết nối mục tiêu học tập với hoạt động chơi nhằm thúc đẩy sự tham gia và tự chủ của học sinh, từ đó góp phần phát triển phẩm chất và năng lực người học.

Xây dựng nội dung hoạt động trải nghiệm như là thành tố của chương trình giáo dục cũng là xu hướng mà nhiều quốc gia hướng đến. Ở Hàn Quốc, từ năm 2009, Chương trình giáo dục quốc gia đã xây dựng thêm nội dung hoạt động trải nghiệm, được thực hiện xuyên suốt từ cấp Tiểu học đến Trung học phổ thông. Hoạt động trải nghiệm được tổ chức sau các giờ lên lớp nhưng không tách rời hệ thống các môn học và được tổ chức nhằm bổ sung, hỗ trợ cho các hoạt động giảng dạy [21]. Chương trình ngoại khóa và chương trình học tập ở Singapore được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh. Mục tiêu của hoạt động ngoại khóa và chương trình học tập ở nước này đặt ra đó là nhằm phát triển năng lực của học sinh. Nội dung hoạt động ngoại khóa ở nước này được thực hiện từ cấp Tiểu học. Nội dung chương trình hoạt động linh hoạt được thiết kế theo chủ đề kèm với thời gian học tập các môn học. Cùng với việc giảng dạy các môn học khác trong chương trình quốc gia, hoạt động ngoại khóa nhằm giúp học sinh đạt được những năng lực cốt lõi của thế kỉ XXI.

Về hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, chương trình giáo dục Australia xây dựng hoạt động giáo dục ngoài trời - hoạt động trải nghiệm được coi là một môn học trong chương trình giáo dục và được thực hiện từ Mẫu giáo đến hết trung học phổ thông. Hoạt động này được kết hợp với các môn học khác để học sinh thực hiện nhằm phát triển toàn diện cho người học.

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 ở nước ta cũng nhấn mạnh đến việc dạy học trải nghiệm nhằm hình thành và phát triển năng lực cho người học, trong đó có năng lực thích ứng. Các môn học đều coi trọng việc tổ chức cho học sinh được trải nghiệm thực tế, tạo cho các em cơ hội tìm hiểu, khám phá thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chú trọng đến nội dung tăng cường sự tham gia tích cực của học sinh vào quá trình học tập, nhất là những hoạt động trải nghiệm; tổ chức hoạt động tìm hiểu, điều tra, khám phá; hướng dẫn học sinh học tập cá nhân, nhóm để tạo ra các

sản phẩm học tập; khuyến khích các em vận dụng được những điều đã học vào đời sống.

Như vậy, so với thế giới, vấn đề học và dạy học trải nghiệm ở Việt Nam được nghiên cứu muộn hơn, song các nghiên cứu về vấn đề này đang ngày càng được mở rộng ở nước ta. Việc nghiên cứu về dạy và học trải nghiệm đóng góp vai trò quan trọng trong việc tổ chức dạy học phát triển phẩm chất, năng lực của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Các nghiên cứu trên đã góp phần hoàn thiện cơ sở lí luận về dạy học trải nghiệm cũng như hướng vận dụng trong nghiên cứu nội dung phát triển năng lực thích ứng cho học sinh hiện nay.

c. Phát triển năng lực thích ứng cho học sinh thông qua dạy học trải nghiệm

Học tập để có năng lực thích ứng được tác giả E. Bardone, M Bauters hướng đến đó là xem xét cách các chiến lược sư phạm có thể hỗ trợ và tăng cường phát triển năng lực bằng cách cung cấp các cơ hội có cấu trúc để thực hành và trải nghiệm, cùng với phản ánh phê phán, theo cách tích lũy và lũy tiến. Bardone và Bauters gợi ý rằng: “Những gì phronesis xem xét nhiều hơn là cách mà lí thuyết - dưới mọi hình thức khác nhau - thực sự có thể được sử dụng bởi những người thực hành trong nỗ lực mở rộng, mở rộng và đào sâu nền tảng kinh nghiệm của một người” [22].

Theo Robert J. Didham, Paul Ofei-Manu, việc phát triển năng lực thích ứng đòi hỏi khả năng người học liên hệ kiến thức đã học với các tình huống mới thông qua đánh giá phản ánh và hành động phù hợp với bối cảnh của một tình huống nhất định (và đang thay đổi) [20].

Vận dụng mô hình học tập qua trải nghiệm của Kolb trong dạy học các môn học và hoạt động giáo dục đã được nhiều nhà giáo dục Việt Nam nghiên cứu. Điển hình như nghiên cứu của nhóm tác giả Dương Văn Cường, Thái Thế Hùng, Nguyễn Tiến Long về vận dụng dạy học trải nghiệm theo thuyết kiến tạo trong phát triển năng lực thích ứng, giải quyết vấn đề thực tiễn. Qua đó, học sinh tự phát triển năng lực của chính mình [23].

Trong phạm vi dạy học môn Toán cấp Tiểu học, nhóm tác giả Đỗ Thị Phương Thảo đã đề xuất các dạng hoạt động cần tập trung trong dạy học môn này để giúp học sinh tiểu học phát triển năng lực thích ứng với cuộc sống thông qua hoạt động trải nghiệm như: Tạo tình huống, nêu ý tưởng; Đề xuất phương án, tiến hành thử nghiệm; thu hoạch. Với các bước đề xuất, nhóm tác giả mong muốn thúc đẩy quá trình dạy học hình thành kiến thức và phát triển năng lực thích ứng với cuộc sống, đưa đích đến cuối cùng của môn học là những bài học, những giá trị trong cuộc sống [24]. Cùng mục tiêu phát triển năng lực thích ứng, tác giả Phạm Thị Thu Thảo

đã tổ chức khảo sát thực trạng đánh giá mức độ phát triển năng lực thích ứng với cuộc sống cho học sinh trong tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chủ đề ở tiểu học. Trong nghiên cứu của mình, tác giả đã nhấn mạnh đến vai trò quan trọng của năng lực thích ứng với cuộc sống, đó là giúp học sinh nhận biết bản thân, điều chỉnh bản thân, đáp ứng với sự thay đổi của môi trường sống, từ đó hình thành năng lực thích ứng với cuộc sống. Tác giả đề xuất các biện pháp giúp học sinh sử dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ, phẩm chất, các năng lực chung sẵn có để làm quen với tình huống mới, hoạt động mới, đáp ứng sự thay đổi không ngừng của cuộc sống [25].

Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở cấp Tiểu học, công trình nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyễn Thúy Hồng, Đinh Thị Kim Thoa đã xây dựng các vấn đề lý luận và thực tiễn của hoạt động trải nghiệm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung chương trình, hình thức, phương pháp hoạt động trải nghiệm cho cấp Tiểu học và cách đánh giá hoạt động trải nghiệm của học sinh tiểu học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Tác giả cũng nhận định: “Để phát triển sự hiểu biết khoa học, chúng ta có thể tác động vào nhận thức của người học, nhưng để phát triển và hình thành năng lực thì người học phải trải nghiệm” [21].

Để tổ chức trải nghiệm trong dạy học các môn học ở tiểu học, tác giả Phạm Quang Tiệp đã khẳng định tri thức người học được hình thành bền vững và sâu sắc hơn và người học cũng học được cách tìm kiếm, khám phá tri thức khoa học, nhờ vậy sẽ phát triển được các năng lực thiết yếu. Tác giả đã nghiên cứu dạy học môn Khoa học ở tiểu học theo hướng trải nghiệm. Tác giả đề cao trải nghiệm là cơ hội để người học tư duy, phát triển năng lực [26].

Kết quả nghiên cứu về việc vận dụng những phương pháp dạy học tích cực trong các môn học về tự nhiên và xã hội của tác giả Nguyễn Thị Thân cho thấy vai trò của dạy học trải nghiệm đối với việc rèn luyện cho học sinh khả năng tự học, tăng cường các hoạt động tự tìm kiếm kiến thức hay vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống, từ đó hình thành năng lực học tập suốt đời.

Như vậy, phát triển năng lực thích ứng cho học sinh thông qua dạy học trải nghiệm là mô hình dạy học phù

hợp với quá trình nhận thức và học tập của học sinh. Các công trình nghiên cứu đã cung cấp một hệ thống lý luận và thực tiễn cho việc phát triển năng lực thích ứng cho học sinh tiểu học, làm cơ sở để đề xuất biện pháp vận dụng mô hình dạy học trải nghiệm đối với các môn học khác nhau ở cấp Tiểu học, phân tích cấu trúc của năng lực thích ứng tương ứng với các môn học khác nhau ở cấp Tiểu học, từ đó xây dựng biện pháp phát triển năng lực thích ứng cho học sinh cấp Tiểu học thông qua dạy học trải nghiệm, góp phần nâng cao hiệu quả phát triển năng lực thích ứng cho học sinh tiểu học trong dạy học cũng như góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Kết luận

Thích ứng là năng lực cần thiết trong cuộc sống bởi con người luôn tiếp xúc với những vấn đề mới và các khó khăn, thách thức trong cuộc sống. Tổ chức dạy học trải nghiệm nhằm phát triển năng lực thích ứng cho học sinh là vấn đề đã thu hút nhiều công trình nghiên cứu với quy mô khác nhau, cả trên bình diện lý luận lẫn thực tiễn dạy học của các tác giả.

Trên cơ sở tổng quan tài liệu về phát triển năng lực thích ứng cho học sinh tiểu học thông qua dạy học trải nghiệm, chúng tôi rút ra một số nhận xét sau: 1) Năng lực thích ứng có thể được hình thành và phát triển thông qua quá trình dạy học trải nghiệm các môn học ở cấp Tiểu học; 2) Các vấn đề lý luận về dạy học trải nghiệm đã được nhiều tác giả làm rõ, bao gồm khái niệm, quy trình, ưu điểm và hạn chế cũng như các biện pháp cụ thể trong quá trình dạy học các môn học cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông... Tuy nhiên, biện pháp phát triển năng lực thích ứng cho học sinh ở cấp Tiểu học thông qua dạy học trải nghiệm các môn học lại chưa được làm rõ.

Từ những kết luận nói trên, cần tập trung nghiên cứu biện pháp phát triển năng lực thích ứng cho học sinh tiểu học; phân tích cấu trúc của năng lực thích ứng với các môn học ở cấp Tiểu học. Từ đó, xây dựng công cụ đánh giá sự hình thành và phát triển năng lực thích ứng cho học sinh tiểu học thông qua dạy học trải nghiệm.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (26/12/2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT)*.
- [2] James William, (1980), *The Principles of Psychology, Published in New York*
- [3] Dương Thị Nga, (2012), *Phát triển năng lực thích ứng nghề cho sinh viên cao đẳng sư phạm*, Luận án Tiến sĩ.
- [4] Nick Brooks, W.Neil Adger, (2003), *Assessing and Enhancing Adaptive Capacity*.
- [5] Nguyễn Văn Hộ, (2000), *Thích ứng sư phạm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Erin Bohensky, Samantha Stone-Jovicich, Silva Larson, Nadine Marshall, *Năng lực thích ứng trên lý thuyết và thực tế: ý nghĩa đối với quản trị ở khu vực Rạn san hô Great Barrier*.
- [7] Đặng Xuân Hải - Đỗ Thị Thu Hằng, (2017), *Giải pháp nâng cao năng lực thích ứng với thay đổi của cán bộ quản lý trường đại học trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay ở Việt Nam*, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Nghiên cứu Giáo dục, tập 33, số 2, tr.33-4.

- [8] Lê Thị Bích Ngọc, (2023), *Nghiên cứu đề xuất cấu trúc năng lực thích ứng nghề của sinh viên ngành Giáo dục mầm non*, Tạp chí Giáo dục, 23(03), tr.54-59.
- [9] Vũ Phương Liên - Trần Lan Anh, (01/2018), *Xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực thích ứng nghề nghiệp của giáo viên mầm non*, Tạp chí Giáo dục, số 422, kì 2, tr.15-22
- [10] Geoffrey Petty, (2002), *Đạy học ngày nay*, NXB Stanley Thornes.
- [11] Kolb, D, (1984), *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*, Englewood Cliffs, N.J: Prentice-Hall.
- [12] R. J. Collie, A. J. Martin, (2016a), *Adaptability: An Important Capacity for Effective Teachers*, Educational Practice and Theory, Vol.38, No.1, pp.27-39, <https://doi.org/10.7459/ept/38.1.03>.
- [13] Nguyễn Thị Bảy - Nguyễn Thị Linh, (10/2019), *Một số biện pháp phát triển năng lực thích ứng nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang*, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, tr.95-98.
- [14] Nguyen Phuong Huyen - Duong Thi Hoang Yen, (2022), *Teachers' Adaptability to General Curriculum Reform*, VNU Journal of Science: Education Research, Vol. 38, No. 3, p.85-95.
- [15] Hà Thị Lan Hương, *Tổ chức dạy học Hóa học theo tiếp cận tích hợp nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng cho học sinh trung học cơ sở*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục.
- [16] Dewey, J., 1938, 1998 by Kappa Delta Pi, (2011), *Kinh nghiệm và giáo dục: The 60th Anniversary Edition* (bản dịch của Phạm Anh Tuấn), NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [17] Chickering, A, (1977), *Experience and Learning*, New York: Change Magazine Press, p. 63.
- [18] Chapman, S., McPhee, P., & Proudman, B, (1995), *What is Experiential Education?*, In Warren, K. (Ed.), *The Theory of Experiential Education*, pp.235-248, Dubuque: Kendall/Hunt Publishing Company.
- [19] Jennifer M. Zosh, Emily J. Hopkins, Hanne Jensen, Claire Liu, Dave Neale, S. Lynne Solis and David Whitebread, (2017), *Learning through play: a review of the evidence*.
- [20] Robert J. Didham, Paul Ofei-Manu, (2020), *Adaptive capacity as an educational goal to advance policy for integrating*, International Journal of Disaster Risk Reduction 47 101631 DRR into quality education for sustainable development.
- [21] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2015), *Tài liệu tập huấn Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [22] E. Bardone, M. Bauters, (2017), *A phronetic approach to educational design-based research: issues and aspirations*, Educ. Des. Res. 1.
- [23] Dương Văn Cường - Thái Thế Hùng, (2020), *Vận dụng mô hình dạy học trải nghiệm để dạy học thiết kế kỹ thuật trong đào tạo nghề cắt gọt kim loại trình độ Cao đẳng*, Tạp chí Giáo dục, tr.197-201.
- [24] Đỗ Thị Phương Thảo - Vũ Diệu Hương - Vũ Thị Lê, (6/2016), *Phát triển năng lực thích ứng với cuộc sống thông qua tổ chức hoạt động trải nghiệm, sáng tạo trong dạy học Toán cho học sinh tiểu học*, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, kì 3.
- [25] Phạm Thị Thu Thảo, (2022), *Thực trạng đánh giá mức độ phát triển năng lực thích ứng với cuộc sống cho học sinh trong tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chủ đề ở tiểu học*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, tập 18, số 04.
- [26] Phạm Quang Tiếp, (2017), *Đạy học Khoa học cho học sinh tiểu học theo hướng trải nghiệm*, Tạp chí Giáo dục, tr.201-205.

OVERVIEW OF RESEARCH ON DEVELOPING ADAPTATIVE CAPACITY FOR PRIMARY SCHOOL PUPILS THROUGH EXPERIENTIAL TEACHING

Trần Thị Kim Cúc

Email: ttkcuc@ued.udn.vn
University of Science and Education - The University of Da Nang
459 Ton Duc Thang, Lien Chieu district, Da Nang City, Vietnam

ABSTRACT: *Adaptive capacity is essential to help people survive and respond to changes in life. Experiential teaching is a suitable teaching model for developing adaptive capacity for primary school pupils. Through experiential learning, pupils will investigate, discover, and apply their knowledge and skills to their lives, creating conditions for them to proactively think and actively participate in practical activities during class time. They find new knowledge and solutions based on their knowledge and understanding towards forming their qualities and abilities. This article presents an overview of research on adaptive capacity and developing it for primary pupils through experiential teaching. In addition, the article also provides general comments and appropriate research directions.*

KEYWORDS: *Adaptive capacity, experiential teaching, pupils, primary school, overview.*